SAO Y Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai
Cơ quan: Tỉnh Đồng Nai
Thời gian ký: 25.12.2023 14:52:18 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 56 /2023/QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 25 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quy trình xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công và tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 6715/TTr-SCT ngày 08 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quy trình xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công và tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2024 và thay thế Quyết định số 59/2015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về xây dựng, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 17/2019/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về xây dựng, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án, khuyến công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 59/2015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, KTN.

(TramTN.35b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Nguyễn Thị Hoàng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Quy trình xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công và tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

(Kèm theo Quyết định số 56. /2023/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định quy trình xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công và tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện, thụ hưởng và quản lý các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chương trình khuyến công tỉnh/cấp huyện:* Là tập hợp các nội dung, nhiệm vụ về hoạt động khuyến công của tỉnh trong từng giai đoạn được Ủy ban nhân dân tỉnh/Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt nhằm mục tiêu khuyến khích phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội, lao động tại địa phương.

2. *Kế hoạch khuyến công tỉnh/cấp huyện:* Là tập hợp các đề án nhiệm vụ khuyến công hàng năm, trong đó đưa ra tiến độ, dự kiến kết quả cụ thể cần đạt được nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình khuyến công địa phương. Kế hoạch khuyến công cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt/cấp huyện do Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

3. *Đề án khuyến công địa phương* theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công bao gồm đề án khuyến công tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, tổ chức thực hiện từ nguồn kinh phí khuyến công tỉnh và đề án khuyến công cấp huyện do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý, tổ chức thực hiện từ nguồn kinh phí khuyến công cấp huyện.

4 . *Đề án khuyến công địa phương điểm* (sau đây gọi là đề án điểm) là đề án khuyến công tỉnh được lập theo ngành nghề sản xuất các sản phẩm có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh địa phương; có từ 02 nội dung hoạt động khuyến công và 02 đối tượng thụ hưởng trở lên; thời gian thực hiện từ 02 đến 03 năm; các nội

dung hoạt động khuyến công trong đề án có sự liên kết nhằm khuyến khích, hỗ trợ thúc đẩy sự phát triển công nghiệp nông thôn theo hướng có trọng tâm, trọng điểm.

5. *Đề án khuyến công địa phương theo nhóm* (sau đây gọi là đề án nhóm) là đề án khuyến công tỉnh có từ 02 đối tượng thụ hưởng trở lên thực hiện cùng một nội dung hoạt động khuyến công. Đề án nhóm bao gồm: Đề án đào tạo nghề, truyền nghề; nâng cao năng lực quản lý, khởi sự thành lập doanh nghiệp; tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn; hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm; hỗ trợ ứng dụng máy móc tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; hỗ trợ xây dựng, đăng ký nhãn hiệu.

6. *Đề án khuyến công địa phương theo đối tượng cụ thể* là đề án có một đối tượng thụ hưởng xác định cho một nội dung hoạt động khuyến công trên một địa bàn cụ thể.

7. *Đơn vị thực hiện đề án* là các tổ chức, cá nhân lập đề án khuyến công địa phương và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

8. *Đơn vị thụ hưởng* là tổ chức, cá nhân được thụ hưởng trực tiếp từ kết quả của việc triển khai đề án khuyến công địa phương.

Chương II

TRÌNH TỰ XÂY DỰNG, PHÊ DUYỆT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH KHUYẾN CÔNG

Điều 3. Trình tự xây dựng, triển khai chương trình khuyến công

Định kỳ từng giai đoạn 05 năm, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) căn cứ quy hoạch, định hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh, xây dựng, tổng hợp chương trình khuyến công cho giai đoạn tiếp theo, cụ thể:

1. Nội dung chương trình khuyến công

a) Cơ sở xây dựng chương trình khuyến công

- Kết quả thực hiện chương trình khuyến công của giai đoạn 05 năm trước;

- Nhu cầu thực tế của các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn;

- Đăng ký chương trình khuyến công giai đoạn 05 năm của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Báo cáo đăng ký chương trình khuyến công bao gồm:

- Báo cáo kết quả thực hiện công tác khuyến công giai đoạn trước và định hướng công tác khuyến công của giai đoạn tiếp theo;

- Biểu tổng hợp nội dung chương trình, kinh phí và nguồn kinh phí khuyến công.

2. Trình tự xây dựng chương trình khuyến công

a) Định kỳ năm cuối thực hiện chương trình khuyến công 05 năm, Sở Công Thương triển khai xây dựng chương trình khuyến công địa phương tỉnh cho giai đoạn tiếp theo.

b) Trên cơ sở xây dựng chương trình khuyến công được quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng triển khai xây dựng chương trình khuyến công cấp huyện giai đoạn 05 năm trên địa bàn quản lý, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, gửi đăng ký về Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp.

c) Trên cơ sở đăng ký của huyện, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển công nghiệp rà soát các đề án khuyến công của Ủy ban nhân dân cấp huyện đăng ký và bổ sung thêm các đề án, nhiệm vụ của Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp để hoàn thiện dự thảo chương trình khuyến công tỉnh, trình Sở Công Thương để lấy ý kiến các sở, ban, ngành, địa phương.

d) Sở Công Thương tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan, tổng hợp các ý kiến đóng góp, hoàn chỉnh dự thảo chương trình khuyến công tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

đ) Quyết định phê duyệt chương trình khuyến công tỉnh của Ủy ban nhân dân tỉnh là căn cứ để triển khai xây dựng kế hoạch khuyến công hàng năm.

Điều 4. Trình tự xây dựng, triển khai kế hoạch khuyến công

1. Đối với kế hoạch khuyến công tỉnh

a) Kế hoạch khuyến công tỉnh được lập trên cơ sở báo cáo đăng ký của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp. Báo cáo đăng ký kế hoạch khuyến công tỉnh bao gồm:

- Kết quả thực hiện công tác khuyến công năm trước; Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công của năm hiện tại; Mục tiêu và định hướng công tác khuyến công của năm sau;

- Danh mục đề án, nhiệm vụ đăng ký kế hoạch khuyến công cấp tỉnh theo Mẫu số 2 của Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia.

b) Căn cứ hướng dẫn của Cục Công Thương địa phương về xây dựng kế hoạch khuyến công quốc gia, Sở Công Thương rà soát, lựa chọn một số đề án phù hợp trong danh mục đăng ký kế hoạch khuyến công tỉnh gửi Cục Công Thương địa phương đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia theo quy định của Bộ Công Thương.

c) Căn cứ chương trình khuyến công tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Công Thương rà soát, lựa chọn đề án, nhiệm vụ theo danh mục đăng ký kế hoạch khuyến công cấp huyện và Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp (trừ nguồn những đề án đã đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia) và bổ sung thêm nhiệm vụ của Sở Công Thương tổng hợp chung vào kế hoạch ngân sách nhà nước gửi Sở Tài chính tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí dự toán kinh phí thực hiện theo quy định.

d) Sở Công Thương thẩm định các đề án, nhiệm vụ khuyến công theo quy định tại Điều 11 của Quy định này cho phù hợp với dự toán kinh phí khuyến công được giao của cấp có thẩm quyền, gửi Sở Tài chính có ý kiến về nguồn kinh phí theo quy định. Sau khi có ý kiến của Sở Tài chính và các đơn vị liên quan, Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch khuyến công tỉnh.

đ) Căn cứ quyết định phê duyệt kế hoạch khuyến công tỉnh và dự toán thu chi ngân sách hàng năm được giao, Sở Công Thương thông báo giao kế hoạch kinh phí khuyến công tỉnh cho Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp để tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch khuyến công tỉnh.

2. Đối với kế hoạch khuyến công cấp huyện

a) Kế hoạch khuyến công cấp huyện được lập trên cơ sở báo cáo đăng ký kế hoạch khuyến công của Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng. Báo cáo đăng ký kế hoạch khuyến công cấp huyện bao gồm:

- Kết quả thực hiện công tác khuyến công năm trước; Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công của năm hiện tại; Mục tiêu và định hướng công tác khuyến công của năm sau;

- Danh mục đề án, nhiệm vụ khuyến công theo Mẫu số 2 của Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BCT.

b) Căn cứ hướng dẫn của Sở Công Thương về xây dựng kế hoạch khuyến công hàng năm, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng rà soát, lựa chọn đề án, nhiệm vụ phù hợp trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, gửi Sở Công Thương đăng ký kế hoạch khuyến công tỉnh theo quy định.

c) Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng rà soát, lựa chọn nội dung, nhiệm vụ về hoạt động khuyến công cấp huyện (trừ nguồn những đề án đã đăng ký kế hoạch khuyến công tỉnh) tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước của Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng gửi cơ quan tài chính địa phương cùng cấp tổng hợp chung vào kế hoạch ngân sách của địa phương theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước.

d) Căn cứ quyết định phân bổ dự toán của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thực hiện phân bổ kinh phí thực hiện kế hoạch khuyến công cấp huyện chi tiết theo đơn vị và nội dung trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

đ) Căn cứ quyết định phê duyệt kế hoạch khuyến công cấp huyện và dự toán thu chi ngân sách hàng năm được giao, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch khuyến công cấp huyện.

Điều 5. Thẩm định và phê duyệt kế hoạch khuyến công

1. Thẩm định và phê duyệt kế hoạch khuyến công tỉnh

a) Giám đốc Sở Công Thương tổ chức thẩm định các đề án, nhiệm vụ khuyến công tỉnh thông qua bộ máy giúp việc hoặc Hội đồng thẩm định do Giám đốc Sở Công Thương quyết định thành lập. Giám đốc Sở Công Thương có thể quyết định mời các chuyên gia, cán bộ chuyên môn tư vấn trong việc lựa chọn các đề án, nhiệm vụ khi thẩm định.

b) Phê duyệt kế hoạch khuyến công tỉnh

Sau khi thẩm định, Sở Công Thương hoàn thiện hồ sơ để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch khuyến công tỉnh. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

- Tờ trình của Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị phê duyệt kế hoạch khuyến công tỉnh; Hồ sơ thẩm định;

- Dự thảo quyết định phê duyệt kế hoạch khuyến công tỉnh của Ủy ban nhân dân tỉnh, kèm biểu tổng hợp chi tiết các đề án, nhiệm vụ khuyến công.

2. Phê duyệt kế hoạch khuyến công cấp huyện

Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng hoàn thiện hồ sơ để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kế hoạch khuyến công cấp huyện, hồ sơ gồm:

a) Tờ trình của Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng trình Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị phê duyệt kế hoạch khuyến công cấp huyện.

b) Dự thảo quyết định phê duyệt kế hoạch khuyến công cấp huyện của Ủy ban nhân dân cấp huyện, kèm biểu tổng hợp chi tiết các nhiệm vụ khuyến công cấp huyện.

Điều 6. Hồ sơ và thời gian đăng ký kế hoạch khuyến công

1. Đăng ký kế hoạch khuyến công tỉnh

a) Các huyện, thành phố gửi đăng ký kế hoạch khuyến công về Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp gồm các tài liệu sau:

- Công văn đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Danh mục đề án, nhiệm vụ đăng ký kế hoạch khuyến công tỉnh.

b) Thời gian các huyện, thành phố gửi tài liệu đăng ký kế hoạch khuyến công tỉnh trước ngày 20 tháng 5 của năm trước liền kề năm kế hoạch (trường hợp khác theo hướng dẫn của Sở Công Thương).

c) Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp tổng hợp danh mục kế hoạch khuyến công tự thực hiện và đăng ký kế hoạch khuyến công

của các huyện, thành phố để lập báo cáo đăng ký kế hoạch khuyến công theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Quy định này gửi Sở Công Thương trước ngày 15 tháng 6 của năm trước liền kề năm kế hoạch (trường hợp khác theo hướng dẫn của Sở Công Thương).

2. Đăng ký kế hoạch khuyến công cấp huyện

a) Cơ sở công nghiệp nông thôn gửi đăng ký kế hoạch khuyến công về Ủy ban nhân dân cấp huyện gồm các tài liệu sau:

- Công văn đề nghị của cơ sở công nghiệp nông thôn;

- Danh mục đề án đăng ký kế hoạch khuyến công.

b) Thời gian các cơ sở công nghiệp nông thôn gửi đăng ký kế hoạch khuyến công cấp huyện thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Chương III

TRÌNH TỰ XÂY DỰNG, PHÊ DUYỆT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ KHUYẾN CÔNG

Điều 7. Nguyên tắc lập đề án khuyến công

1. Phù hợp với chủ trương, chính sách, kế hoạch, chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của Đảng, Nhà nước; phù hợp với quy hoạch của tỉnh.

2. Phù hợp với đối tượng, nội dung hoạt động khuyến công, danh mục ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP; phù hợp với nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến công theo quy định tại Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy chế quản lý kinh phí khuyến công và quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công tỉnh Đồng Nai.

3. Phù hợp với chương trình khuyến công tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và địa phương có liên quan về hoạt động khuyến công.

Điều 8. Tiêu chí chung và tiêu chí ưu tiên lựa chọn đề án

1. Tiêu chí chung

a) Phù hợp với nguyên tắc lập đề án theo quy định tại Điều 7 Quy định này.

b) Nội dung hoạt động khuyến công có tác động khuyến khích, thúc đẩy sự phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên phạm vi địa phương.

2. Tiêu chí ưu tiên

a) Ưu tiên các đề án khuyến công điểm; xét ưu tiên về ngành nghề, địa bàn theo quy định tại khoản 22 Điều 8 Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND.

b) Trong trường hợp các đề án khuyến công đăng ký triển khai trên địa bàn có điều kiện như nhau, ngành nghề như nhau, ưu tiên các đề án khuyến công có đơn vị thụ hưởng là các tổ hợp tác, hợp tác xã.

Điều 9. Nội dung cơ bản của đề án khuyến công

Đề án khuyến công có những nội dung chủ yếu sau:

1. Đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng, địa điểm thực hiện.

2. Sự cần thiết và căn cứ của đề án.

3. Mục tiêu: Nêu cụ thể những mục tiêu của đề án cần đạt được.

4. Quy mô đề án: Nêu quy mô của đề án; nêu tóm tắt các đặc điểm vượt trội nội dung chính của đề án như về công nghệ, máy móc, sản phẩm hoặc nội dung khác đề xuất hỗ trợ.

5. Nội dung và tiến độ: Xác định rõ nội dung công việc cần thực hiện và tiến độ thực hiện; tổ chức, cá nhân thực hiện theo các nội dung công việc.

6. Dự toán kinh phí được lập chi tiết theo Biểu mẫu số 01 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2013/TT-BCT.

7. Tổ chức thực hiện: Nêu rõ phương án tổ chức thực hiện đề án.

8. Hiệu quả của đề án: Nêu rõ hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường, tính bền vững, khả năng nhân rộng (nếu có) của đề án sau khi kết thúc hỗ trợ.

Điều 10. Hồ sơ đề án khuyến công thẩm định và thời gian gửi hồ sơ

1. Cơ sở công nghiệp nông thôn gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện 03 bộ hồ sơ đề án khuyến công đã đăng ký trước ngày 01 tháng 8 của năm trước liền kề năm kế hoạch (trường hợp khác theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp huyện).

Hồ sơ đề án khuyến công gồm:

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ của cơ sở công nghiệp nông thôn.

b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

c) Tờ khai doanh nghiệp nhỏ và vừa kèm báo cáo tài chính gần nhất.

d) Tài liệu liên quan khác phục vụ công tác thẩm định.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi 03 bộ hồ sơ đề án khuyến công theo quy định tại khoản 1 Điều này về Sở Công Thương (thông qua Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp) trước ngày 15 tháng 8 của năm trước liền kề năm kế hoạch (trường hợp khác theo hướng dẫn của Sở Công Thương).

3. Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp gửi 02 bộ hồ sơ đề án khuyến công đã đăng ký hoặc Bản đăng ký kế hoạch khuyến công (đối với đề án điểm) về Sở Công Thương trước ngày 01 tháng 9 của năm trước liền kề năm kế hoạch (trường hợp khác theo hướng dẫn của Sở Công Thương) để thẩm định.

Hồ sơ đề án khuyến công gồm: Hồ sơ đề án khuyến công đã đăng ký của các huyện, thành phố; đề án khuyến công được lập theo quy định tại Điều 9 Quy định này; các tài liệu kèm theo như quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2013/TT-BCT.

Điều 11. Nội dung thẩm định các đề án, nhiệm vụ khuyến công

1. Mức độ phù hợp của đề án với các nguyên tắc được quy định tại Điều 7 của Quy định này.

2. Mục tiêu, sự cần thiết và hiệu quả của đề án; tính hợp lý về sử dụng kinh phí, nguồn lực và cơ sở vật chất, kỹ thuật khác.

3. Năng lực của đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng.

4. Khả năng kết hợp, lồng ghép với các dự án, chương trình mục tiêu khác.

5. Sự phù hợp và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu của đề án.

Điều 12. Phương thức thực hiện các đề án, nhiệm vụ khuyến công

1. Các đề án, nhiệm vụ thực hiện theo Luật Đấu thầu (nếu đủ điều kiện theo quy định) gồm: Tổ chức hội chợ, triển lãm trong nước và nước ngoài; hỗ trợ tham gia hội chợ triển lãm trong nước và nước ngoài (sử dụng kinh phí khuyến công hỗ trợ cho một hội chợ, triển lãm); hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp và sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cụm công nghiệp; các đề án truyền thông.

2. Ngoài các đề án, nhiệm vụ thực hiện theo Luật Đấu thầu quy định tại khoản 1 Điều này, các đề án, nhiệm vụ khác thực hiện theo phương thức xét chọn theo tiêu chí chung và tiêu chí ưu tiên lựa chọn đề án quy định tại Điều 8 của Quy định này.

Điều 13. Phương thức triển khai thực hiện đề án nhóm, đề án điểm

1. Đề án nhóm

Đề án nhóm không yêu cầu phải xác định địa điểm, đơn vị thụ hưởng, đơn vị phối hợp khi thẩm định. Riêng đề án nhóm hỗ trợ ứng dụng máy móc tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phải lập theo từng lĩnh vực, sản phẩm có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh của địa phương trên cơ sở danh mục ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP; phải xác định địa điểm, đơn vị thụ hưởng, chủng loại máy móc thiết bị khi thẩm định và xác định đơn vị phối hợp, thông số kỹ thuật của máy móc thiết bị khi lập kế hoạch triển khai để làm cơ sở ký kết hợp đồng khuyến công.

2. Đề án điểm

a) Khi thẩm định đề án, các nội dung hoạt động khuyến công trong năm đầu kế hoạch phải xác định cụ thể địa điểm, đơn vị thụ hưởng, đơn vị phối hợp, trừ các nội dung theo nhóm thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Đối với việc xây dựng kế hoạch các năm tiếp theo: Sở Công Thương chịu trách nhiệm rà soát, điều chỉnh nội dung hoạt động khuyến công phù hợp với tình hình thực tế, lập thành kế hoạch khuyến công cho năm dự toán ngân sách trên cơ sở đã xác định cụ thể các nội dung yêu cầu như đối với năm đầu kế hoạch để thẩm định theo quy định.

c) Đề án điểm sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí thực hiện năm đầu kế hoạch, sẽ được ưu tiên bố trí kinh phí các năm tiếp theo để thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 14. Điều chỉnh, bổ sung và ngừng triển khai đề án khuyến công

1. Đối với các đề án thuộc kế hoạch khuyến công tỉnh

Trong trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án, nhiệm vụ khuyến công, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp phải có văn bản gửi Sở Công Thương, trong đó nêu rõ lý do điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng thực hiện đề án. Trường hợp đề án do huyện đăng ký, đề nghị có văn bản giải trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Sau khi xem xét lý do, Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với các nội dung đề nghị điều chỉnh trong kế hoạch khuyến công tỉnh.

Đối với các đề án, nhiệm vụ khuyến công có sai phạm trong quá trình tổ chức thực hiện hoặc không đáp ứng được yêu cầu, Sở Công Thương xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt ngừng thực hiện.

2. Đối với các đề án do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý, và tổ chức thực hiện

a) Trên cơ sở đề nghị điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án, nhiệm vụ khuyến công của của Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, phê duyệt.

b) Đối với các đề án, nhiệm vụ khuyến công có sai phạm trong quá trình tổ chức thực hiện hoặc không đáp ứng được yêu cầu, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng xem xét tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện, quyết định phê duyệt ngừng thực hiện.

Chương IV
TẠM ỨNG, THANH LÝ HỢP ĐỒNG, QUYẾT TOÁN KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG VÀ CHỨNG TỪ CHI ĐỐI VỚI MỘT SỐ NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG

Điều 15. Nguyên tắc tạm ứng, thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí khuyến công

1. Việc tạm ứng, thanh toán và quyết toán kinh phí thực hiện theo Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành Quy chế quản lý kinh phí khuyến công và quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công tỉnh Đồng Nai, và các quy định hiện hành, phù hợp với tiến độ thực hiện đề án, đảm bảo quy định của pháp luật về sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Việc mua bán hàng hóa, dịch vụ cho các hợp đồng phục vụ các hoạt động khuyến công thực hiện theo Luật Đấu thầu và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong việc sử dụng kinh phí đều phải có chứng từ hợp pháp theo quy định, tuân thủ chế độ tài chính hiện hành và các quy định tại Quy định này.

4. Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí phải đúng mục đích, đúng chế độ, quyết toán kinh phí đã sử dụng với cơ quan có thẩm quyền; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của số liệu quyết toán và những khoản thu, chi, hạch toán, quyết toán sai chế độ.

5. Các tổ chức, cá nhân phải hoàn trả nộp ngân sách nhà nước đối với phần kinh phí đã tạm ứng nhưng không có khối lượng thanh toán, những khoản kinh phí đã sử dụng nhưng không được quyết toán theo chế độ quy định.

Điều 16. Chứng từ chi

Chứng từ chi là toàn bộ chứng từ thanh toán gồm phiếu chi hoặc ủy nhiệm chi hoặc giấy đề nghị thanh toán tạm ứng và chứng từ gốc của từng nội dung chi theo quy định hiện hành, theo quy định cụ thể tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BCT.

Điều 17. Thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí

1. Chậm nhất sau 15 ngày kể từ khi nghiệm thu đề án cuối cùng trong năm kế hoạch, đơn vị thực hiện đề án phải hoàn thành việc lập hồ sơ quyết toán theo quy định, nhưng không được chậm quá thời gian theo thông báo của Kho bạc Nhà nước.

2. Trường hợp không hoàn thành các yêu cầu về mục tiêu, nội dung, kết quả, thời gian thực hiện của hợp đồng thực hiện đề án vì lý do bất khả kháng, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét quyết toán theo khối lượng công việc đã thực hiện hoặc gia hạn việc triển khai thực hiện đề án sang năm tiếp theo. Hồ sơ để thanh lý, quyết toán hợp đồng trong trường hợp này gồm: Văn bản giải trình của đơn vị thực hiện đề án; Văn bản hoặc Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với đề án do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý và tổ chức thực hiện), Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với đề án do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý và tổ chức thực hiện); Biên bản nghiệm thu xác nhận khối lượng đã thực hiện; Chứng từ chi cho khối lượng công việc đã thực hiện theo quy định.

Điều 18. Hồ sơ thanh quyết toán

1. Hồ sơ thanh quyết toán kinh phí khuyến công gồm: Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền kèm theo dự toán chi tiết kinh phí; Hợp đồng hỗ trợ (đối với đề án mà đơn vị thực hiện đề án không đồng thời là đơn vị thụ hưởng); Biên bản nghiệm thu; thanh lý hợp đồng; Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo Mẫu số 8a được ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngà 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước; Chứng từ chi và các tài liệu khác có liên quan theo quy định.

2. Đối với các đề án được nhà nước hỗ trợ kinh phí theo tỷ lệ phần trăm tổng kinh phí thực hiện, đơn vị thực hiện phải lập bảng kê chứng từ đề nghị quyết toán, bao gồm cả phần kinh phí từ nguồn khác kèm theo toàn bộ chứng từ chi.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Chỉ đạo Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xây dựng kế hoạch và thực hiện các đề án, nhiệm vụ khuyến công khi được phê duyệt.

2. Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công tỉnh.

3. Chủ trì và phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định đề án; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các đề án, nhiệm vụ và việc sử dụng kinh phí khuyến công đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục đích và đúng các quy định hiện hành.

4. Tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công trên địa bàn tỉnh gửi Cục Công Thương địa phương và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí dự toán kinh phí thực hiện theo quy định.

Điều 21. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa

1. Chỉ đạo Phòng Kinh tế hoặc Kinh tế và Hạ tầng huyện xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công cấp huyện.

2. Hàng năm, căn cứ chương trình khuyến công địa phương theo giai đoạn (05 năm) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt và tình hình phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa triển khai

đăng ký kế hoạch khuyến công tỉnh và phê duyệt kế hoạch khuyến công cấp huyện theo quy định của pháp luật và các quy định tại Quy định này.

3. Chủ trì tổ chức thực hiện kế hoạch khuyến công cấp huyện; kiểm tra, giám sát việc thực hiện và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện đề án, nhiệm vụ khuyến công theo thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Phối hợp Sở Công Thương kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu chương trình khuyến công trên địa bàn; tham gia thẩm định, nghiệm thu các đề án khuyến công tỉnh theo quy định tại Quy định này.

Điều 22. Trách nhiệm của các đơn vị thực hiện đề án

1. Lập hồ sơ đề án và dự toán chi tiết kinh phí thực hiện đề án theo quy định. Đảm bảo và chịu trách nhiệm pháp lý về tính chính xác, trung thực và đầy đủ các thông tin trong hồ sơ, tài liệu đã cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước trong xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và thanh quyết toán các đề án, nhiệm vụ khuyến công; các loại báo cáo và các văn bản có liên quan khác trong quá trình thực hiện hoạt động khuyến công.

2. Tổ chức thực hiện đề án khuyến công theo các nội dung đã được phê duyệt; thực hiện tạm ứng, thanh quyết toán theo quy định tại Quy định này; sử dụng kinh phí đúng dự toán, đảm bảo hiệu quả và đúng các quy định hiện hành.

3. Đối với các đề án lập theo nhóm, sau khi được giao kế hoạch đơn vị thực hiện đề án rà soát và lập kế hoạch trình Sở Công Thương thẩm định và phê duyệt kế hoạch để tổ chức thực hiện.

4. Trách nhiệm tổng hợp báo cáo

a) Khi kết thúc thực hiện đề án, đơn vị được giao thực hiện đề án lập báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề án, báo cáo khối lượng hoàn thành và kinh phí thực hiện (kèm hồ sơ khi thanh lý, quyết toán hợp đồng).

b) Tổng hợp báo cáo đột xuất, báo cáo phục vụ kiểm tra, thanh tra theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

5. Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan có thẩm quyền trong việc kiểm tra, đánh giá, giám sát việc thực hiện các đề án và việc sử dụng kinh phí khuyến công.

6. Tham gia nghiệm thu các đề án khuyến công theo hợp đồng đã ký đúng quy định.

7. Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu, chứng từ kế toán về đề án, nhiệm vụ khuyến công theo quy định của pháp luật. Đảm bảo và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ các thông tin trong hồ sơ, tài liệu và các văn bản trong quá trình lập hồ sơ đề án và tổ chức thực hiện đề án.

Điều 23. Trách nhiệm của đơn vị thụ hưởng đề án khuyến công

1. Phối hợp với đơn vị thực hiện trong quá trình xây dựng đề án, triển khai thực hiện đề án theo các nội dung được phê duyệt và các điều khoản trong hợp đồng thực hiện đề án ký với đơn vị thực hiện.

2. Chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu và điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết phục vụ công tác thẩm tra, thẩm định, nghiệm thu đề án, nhiệm vụ khuyến công; thực hiện thanh lý và quyết toán kinh phí khuyến công được hỗ trợ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3. Đảm bảo và chịu trách nhiệm pháp lý về các thông tin, tài liệu, các loại báo cáo và các văn bản có liên quan đã cung cấp cho cơ quan quản lý trong quá trình xây dựng và thực hiện đề án.

4. Lưu giữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến đề án khuyến công đã triển khai để phục vụ công tác hậu kiểm; tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện đề án khuyến công; lập báo cáo và cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin liên quan theo yêu cầu của đoàn kiểm tra, giám sát.

5. Trong trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án, nhiệm vụ khuyến công đơn vị thụ hưởng phải có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị thực hiện, trong đó nêu rõ lý do điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 24. Các sở, ban, ngành khác có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, hỗ trợ và tạo điều kiện thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công; tham gia thẩm định đề án, nhiệm vụ khuyến công theo đề nghị của Sở Công Thương.

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, điều chỉnh cho phù hợp./.